

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: C1.A105

Môn thi: Kỹ năng đọc

Ca thi: 8h00

Ngày thi: 22/04/2022

TT	SBD	Mã đăng nhập/ Mật khẩu	Họ	Tên	Năm sinh	Ký tên	Ghi chú
1	TA0152	SV6230161	Bùi Lê	Khang	06/06/1999		
2	TA0153	SV6230162	Dương Văn	Khanh	25/01/1999		
3	TA0154	SV6230163	Cao Duy	Khánh	29/06/1999		
4	TA0155	SV6230164	Phạm Quốc	Khánh	25/07/1999		
5	TA0156	SV6230165	Thân Trọng	Khánh	30/09/1999		
6	TA0157	SV6230166	Nguyễn Văn	Khoa	25/02/1999		
7	TA0158	SV6230167	Hà Giáp	Kiên	07/08/1999		
8	TA0159	SV6230168	Lê Trung	Kiên	22/07/1999		
9	TA0160	SV6230169	Vương Khả	Kiên	03/04/1999		
10	TA0161	SV6230170	Nguyễn Văn	Lâm	13/01/1999		
11	TA0162	SV6230171	Phạm Tùng	Lâm	02/08/1999		
12	TA0163	SV6230172	Trần Hoàng	Lâm	30/04/1999		
34	TA0164	SV6230173	Trần Tùng	Lâm	10/10/1999		
13	TA0165	SV6230174	Hà Thị	Lan	03/07/2000		
14	TA0166	SV6230175	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	31/03/1999		
15	TA0167	SV6230176	Phạm Thị Thu	Lan	17/04/1999		
16	TA0168	SV6230177	Nguyễn Thị Cẩm	Lê	21/11/2000		
17	TA0169	SV6230178	Đỗ Nhật	Linh	26/09/1995		
18	TA0170	SV6230179	Đoàn Thị Diệu	Linh	03/01/2000		
19	TA0171	SV6230180	Hà Khánh	Linh	07/06/2000		
20	TA0172	SV6230181	Nguyễn Thuý	Linh	10/11/2000		
21	TA0173	SV6230182	Nguyễn Trọng	Linh	19/09/1999		
22	TA0174	SV6230183	Phạm Thuý	Linh	24/11/2000		
23	TA0175	SV6230184	Vì Thị	Loan	12/07/2000		
24	TA0176	SV6230185	Hoàng Gia	Lộc	19/02/1999		
25	TA0177	SV6230186	Chu Xè	Lụ	10/03/1999		

TT	SBD	Mã đăng nhập/ Mật khẩu	Họ	Tên	Năm sinh	Ký tên	Ghi chú
26	TA0178	SV6230187	Nguyễn Sỹ	Luân	01/03/1999		
27	TA0179	SV6230188	Nguyễn Thành	Luân	24/08/1999		
28	TA0180	SV6230189	Trần Văn	Lý	19/07/1996		
29	TA0181	SV6230190	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	08/06/2000		
30	TA0182	SV6230191	Phạm Thị	Mai	08/08/2000		
31	TA0183	SV6230192	Trần Thị	Mai	01/04/1999		
32	TA0184	SV6230193	Lều Đức	Mạnh	07/10/1999		
33	TA0185	SV6230194	Nguyễn Văn	Mạnh	17/08/1999		
34	TA0186	SV6230195	Trần Thế	Mạnh	10/01/2000		
35	TA0187	SV6230196	Võ Hồng	Mạnh	14/02/1999		
36	TA0188	SV6230197	Hà Thọ Minh	Minh	24/05/1999		
37	TA0189	SV6230198	Nguyễn	Minh	09/12/1999		
38	TA0190	SV6230199	Nguyễn Thị	Minh	15/01/2000		
39	TA0191	SV6230200	Tô Huy	Minh	23/09/1999		
40	TA0192	SV6230201	Mai Thị Trà	My	01/01/1999		
41	TA0193	SV6230202	Mùi Sơn	Nam	21/05/1999		
42	TA0194	SV6230203	Nguyễn Tuấn	Nam	19/08/1999		
43	TA0195	SV6230204	Nguyễn Thị	Nga	18/01/2000		
44	TA0196	SV6230205	Vũ Thị	Ngân	10/12/1999		
45	TA0197	SV6230206	Hoàng Hữu	Nghĩa	16/10/1999		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)